

SỰ DUNG HỢP GIỮA PHẬT GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG BẢN ĐỊA VIỆT NAM - QUA NGHIÊN CỨU CÁC NGÔI CHÙA TỨ PHÁP Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

TRẦN THỊ HẰNG (*)

Tóm tắt: Dung hợp với tín ngưỡng, văn hóa bản địa đã trở thành một trong những đặc điểm nổi bật của Phật giáo Việt Nam, đó cũng là phương thức để Phật giáo đi sâu bám rễ vào văn hóa, tạo nên sức lan tỏa nhanh, rộng lớn trong đời sống của người Việt. Một trong những biểu hiện của sự dung hợp này là sự hòa quyện giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Tứ pháp - một trong những loại hình tín ngưỡng nổi bật của cư dân nông nghiệp Việt Nam. Trải qua thời gian, dấu tích của sự dung hợp đó vẫn còn hiện hữu ở nhiều ngôi chùa thờ Tứ pháp của khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, hình thành một nét độc đáo riêng của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam nói riêng, văn hóa Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Dung hợp tôn giáo; Phật giáo; thờ Tứ pháp

Abstract: Syncretism with indigenous beliefs and culture has become one of the most prominent characteristics of Vietnamese Buddhism, serving as a means for Buddhism to take deep root in local culture and to achieve rapid and widespread influence in the spiritual life of the Vietnamese people. One of the clearest manifestations of this syncretism is the integration between Buddhism and the worship of the Four Dharma deities, a distinctive form of belief among Vietnam's agricultural communities. Over time, traces of this integration have remained evident in many Four Dharma temples in the Northern Delta, forming a unique feature of Vietnamese religious life in particular and Vietnamese culture in general.

Keywords: Religious syncretism; Buddhism; Four Dharma worship.

Ngày nhận bài: 10/12/2025 Ngày biên tập: 31/12/2025 Ngày duyệt đăng: 19/01/2026

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, với phương châm “Tùy duyên phương tiện” nên ngay từ khi mới du nhập, Phật giáo đã dung hợp mạnh mẽ với các tín ngưỡng bản địa. Sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng bản địa trở thành một đặc trưng nổi bật của Phật giáo Việt Nam, thể hiện đa dạng ở các hình thức như hình thành các ngôi chùa Tứ pháp, mô hình chùa “Tiền Phật hậu Thánh”, “Tiền Phật hậu Mẫu”, hoặc thờ tượng Tứ pháp cạnh Tam bảo... Sự dung hợp đó đã tạo nên dòng Phật giáo dân gian có sức sống mãnh liệt ở Việt Nam.

(*) TS; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Cơ sở và truyền thống dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng bản địa Việt Nam

Dung hợp tôn giáo hiểu một cách chung nhất chính là sự dung hòa, kết hợp, pha trộn của hai hay nhiều hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo với nhau, bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau. Cơ sở của sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam bao gồm:

Sự tương đồng giữa giáo lý Phật giáo và truyền thống văn hóa Việt Nam. Phật giáo ra đời ở Ấn Độ vào thế kỷ VI, thế kỷ V trước Công nguyên. Giáo lý Phật giáo xoay quanh vấn đề giải thoát con người khỏi khổ đau, mang lại hạnh phúc cho con người. Giáo lý Phật giáo thể hiện ở một hệ thống các quan điểm, phạm trù như Tứ Diệu Đế, giải thoát,

nhân duyên, từ bi hỷ xả... Trong hệ thống giáo lý của Phật giáo có nhiều điểm tương đồng với giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam, điển hình như các quan điểm về từ bi, nhân quả, hiếu hạnh,...

Chính nhờ những nét tương đồng, sự gần gũi từ ngay trong những giá trị đạo đức cơ bản nên ngay từ buổi đầu du nhập, Phật giáo đã được người Việt “mở lòng” đón nhận. Viết về điều này, tác giả Nguyễn Lang phân tích: “Những quan niệm công đức, tam bảo, cúng dường, luân hồi và nghiệp báo... không có quan niệm nào chống đối với tín ngưỡng tại Giao Châu hồi ấy. Thêm vào đó, người Giao Chỉ trang bị bởi những ý thức hệ vững chãi, nên Phật giáo không gặp nhiều trở ngại... Đạo Phật thấm vào văn minh Giao Châu tự nhiên và dễ dàng như nước thấm vào lòng đất”⁽¹⁾. Tác giả Nguyễn Thanh Tuấn cũng nhận xét: “Đạo Phật đến với Việt Nam bằng con đường hòa bình, do giáo lý của Phật giáo về bình đẳng, bác ái, cứu khổ, cứu nạn..., gần gũi với tín ngưỡng, văn hóa truyền thống của cư dân Việt Nam, nên Phật giáo dễ dàng được người dân Việt Nam chấp nhận”⁽²⁾.

Sự uyển chuyển, linh hoạt “tùy duyên phương tiện của Phật giáo” và tâm lý tôn giáo “khoan dung”, “cởi mở” của người Việt Nam. Với phương châm “Tùy duyên phương tiện”, Phật giáo đã dung hợp mạnh mẽ với các tín ngưỡng bản địa Việt Nam, len lỏi vào từng ngõ ngách của đời sống tinh thần của người dân, tạo nên sức sống bền bỉ của Phật giáo Việt Nam cho đến ngày hôm nay: “Với chủ trương bình đẳng, dân chủ và rộng mở, các nhà sư trong quá trình truyền bá giáo lý Phật đã sử dụng những phương tiện quyền xảo và phương pháp kế lý, kế cơ, kế thời, kế xứ để giáo hóa chúng sinh, nên đạo Phật có thể dễ dàng hòa nhập với truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng của cư dân nơi được truyền đến và phát triển bền vững trong lòng người”⁽³⁾.

Điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội đã hình thành nên ở bao thế hệ người Việt Nam tâm lý bao dung, cởi mở về văn hóa và trong cả đời sống tín ngưỡng, tôn giáo: “Bản tính của người

Việt Nam là cởi mở, bao dung chứ không hẹp hòi, kì thị, khép kín. Dù là tín ngưỡng nào, tôn giáo gì, từ đâu đến thì cộng đồng người ở đây cũng sẵn sàng chấp nhận - miễn là nó không vi phạm đến lợi ích quốc gia và đi ngược lại truyền thống dân tộc”⁽⁴⁾.

Nhu cầu nội tại của Phật giáo và tín ngưỡng bản địa Việt Nam. Khi Phật giáo du nhập, ở Việt Nam đã có một hệ thống tín ngưỡng bản địa phong phú và đa dạng. Xa xưa, người Việt đã có hệ thống tín ngưỡng bản địa phong phú, trở thành nền tảng của đời sống tinh thần, có sức sống mãnh liệt, bền bỉ. Tuy nhiên, hệ thống tín ngưỡng của người Việt chưa thực sự có được hệ thống giáo lý bài bản mà vẫn tản mạn, lưu truyền trong dân gian thông qua truyền miệng. Do đó, khi Phật giáo du nhập với những điều mới mẻ, có hệ thống bài bản sẽ có thể “bổ khuyết”, tương trợ cho tín ngưỡng dân gian bản địa. Ngược lại, sự tiếp nhận tín ngưỡng dân gian Việt Nam vào Phật giáo sẽ giúp Phật giáo bám rễ sâu vào văn hóa Việt Nam. Đó chính là kết quả của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa: “Nhưng hỗn dung tôn giáo không phải là một sự thắng thế của hệ thống tín ngưỡng bản địa hay sự thắng thế của bất kỳ tôn giáo nào, hiện tượng này chỉ đơn thuần là một giải pháp hiệu quả để các tôn giáo cùng chung sống hòa bình. Đây cũng chính là một biểu hiện của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa như một xu hướng chung trong thời đại ngày nay”⁽⁵⁾.

Khi phân tích về “nhu cầu” nội tại của Phật giáo và tín ngưỡng bản địa Việt Nam là cơ sở của quá trình dung hợp, nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát khẳng định: “Khi Phật giáo truyền vào Việt Nam và củng cố giáo lý Phật giáo rồi thì tất nhiên, những vị thần người Việt Nam tôn thờ, được Phật giáo với tinh thần bao dung đã không loại trừ mà còn tiếp nhận họ vào trong hệ thống giáo lý tư tưởng và Phật điện của mình. Đó là quá trình bản địa hóa giáo lý của Phật giáo, và cũng là quá trình tiếp thu các hệ thống tôn thờ các thần của nhân dân bản địa, tạo cho những vị thần này có bộ mặt Phật giáo và Phật giáo có bộ mặt của người bản địa”⁽⁶⁾.

Sự dung hợp của Phật giáo với tín ngưỡng bản địa Việt Nam thể hiện đa dạng các khía cạnh. Phật giáo dung hợp với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam làm xuất hiện mô hình chùa điển hình “Tiền Phật hậu Mẫu”, “Tiền Phật hậu Tổ”. Trong các ngôi chùa, đặc biệt ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện nay đều thấy phổ biến trong không gian chùa có nhà thờ Mẫu, thờ các vị thánh Mẫu. Hay dấu ấn của Phật giáo Tây Thiên với không gian tôn giáo “Đến với Phật về với Mẫu” đã chứng minh cho sự dung hợp hài hòa đó. Ở Nam Bộ: “Sự dung hợp giữa các yếu tố Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu Nam Bộ còn được thể hiện rõ trong việc phối thờ Bà Thiên Hậu trên Phật điện ở nhiều ngôi chùa trên vùng đất này. Có thể kể đến một số ngôi chùa, như: Chùa Bắc (Quảng Đông tỉnh hội quán); Miếu Bà Thuận An xã Thuận An, An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; chùa Tây An cổ tự, Châu Đốc, tỉnh An Giang...”⁽⁷⁾.

Phật giáo dung hợp với tín ngưỡng thờ Thần ở Việt Nam tạo nên kiểu chùa “Tiền Phật hậu Thánh” phổ biến ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ. Chùa thờ Phật, tuy nhiên ở một số nơi ngoài thờ Phật thì còn thờ thêm “Thánh”. “Thánh” ở đây chủ yếu là những nhân vật lịch sử, nhưng được thần thánh hóa như Từ Đạo Hạnh, Dương Không Lộ, Nguyễn Minh Không, Đức Thánh Bối, Nguyễn Giác Hải... có rất nhiều ngôi chùa có kiểu kết cấu tiền Phật - hậu Thánh nhưng phải kể đến những ngôi chùa lớn như Chùa Thầy, Chùa Keo, Chùa Keo Hành Thiện, Chùa Bối Khê, Chùa Trăm Gian, Lý Triều Quốc Sư, Chùa Láng, Chùa Tổng, Chùa Cả, Chùa Thiên Vũ...

2. Sự dung hợp Phật giáo và tín ngưỡng bản địa tại các ngôi chùa Tứ pháp

Văn hóa Việt Nam đặc trưng là văn hóa lúa nước, đời sống tín ngưỡng của người Việt nổi bật với các tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp như tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Mẹ Lúa, Mẹ Nước... trong đó lâu đời, cổ xưa và nổi bật là tín ngưỡng thờ Tứ pháp. Thờ Tứ pháp là tín ngưỡng độc đáo, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa của người Việt nói chung, đặc biệt là ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Thờ Tứ pháp thực chất là thờ các vị thần tự nhiên: mây, mưa, sấm, chớp của cư dân Việt cổ gắn với nghề trồng lúa nước. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, tín ngưỡng thờ Tứ pháp luôn trường tồn với thời gian bởi những dấu ấn văn hóa và giá trị riêng, từ những tư liệu ngữ văn dân gian như truyền thuyết, truyện kể, thơ ca dân gian... cho đến hệ thống di tích thờ tự và các nghi thức, nghi lễ... Một điều có thể nhận thấy là các di tích thờ Tứ pháp đều nằm ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ mà không xuất hiện nhiều ở các khu vực khác như Trung Bộ, Nam Bộ. Theo thống kê, toàn vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện có khoảng 62 di tích thờ Tứ pháp, phân bố chủ yếu ở các địa phương là Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên, Ninh Bình (khu vực Hà Nam trước sáp nhập).

Có thể thấy tín ngưỡng thờ Tứ Pháp là tín ngưỡng tiêu biểu của cư dân nông nghiệp Việt. Ngay từ những bước đầu du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã dung hợp mạnh mẽ với tín ngưỡng này hình thành các ngôi chùa thờ Tứ pháp, hình thành các vị Phật Tứ pháp. Việc xuất hiện của các vị Phật Tứ pháp trong lịch sử Phật giáo là minh chứng cho sự dung hợp đó. Về sự ra đời của Phật Pháp Vân “Như vậy trong sơ kỳ Phật giáo tại Việt Nam, sự giác ngộ luôn luôn được gắn chặt với một số phẩm chất có tính quyền năng, như có thể lớn có thể nhỏ, có thể đi trong nước... Và vị Phật có quyền năng này đã xuất hiện ngay vào thời Mâu Tử tại ngôi chùa Pháp Vân nổi tiếng, tương truyền là do Sĩ Nhiếp (137 - 226) dựng nên”⁽⁸⁾. Sự dung hợp của Phật giáo với tín ngưỡng bản địa chính là sự “bản địa hóa” Phật giáo của nhân dân Việt Nam: “... nước ta vào thời đó là một nước độc lập, phồn thịnh, và chính nhờ vào nền độc lập đó, tự chủ đó, phồn thịnh đó, mà ta có khả năng tiếp thu và bản địa hóa những tư tưởng văn hóa ngoại lai để biến chúng thành của mình, từ đó đủ bản lĩnh để tự hào, tiếp thu văn hóa ngoại lai và biến nó thành văn hóa của mình”⁽⁹⁾.

Điều đặc biệt đáng lưu ý là hệ thống các di tích thờ Tứ pháp ở Đồng bằng Bắc Bộ, chủ yếu Tứ pháp đều được thờ ở trong chùa. Trong các ngôi chùa có kiến trúc của một



Tượng bà Pháp Vân ở chùa Quế Lâm, tỉnh Ninh Bình.

ngôi chùa thờ Phật truyền thống với những kiến trúc chữ “tam”, “công”, “nội công ngoại quốc” thì điểm khác biệt của các ngôi chùa thờ Tứ pháp là tượng Tứ pháp luôn chiếm vị trí trung tâm của nơi đặt tượng thờ. Tuy nhiên cần lưu ý: “Không phải người ta đặt tượng Tứ pháp vào các chùa thờ Phật mà người ta đặt bàn thờ Phật vào các đền Tứ pháp, từ đền thờ các thần nông nghiệp đã có từ trước. Và đến lượt các nữ thần này được Phật hóa, trở thành Phật Bà”⁽¹⁰⁾. Hệ thống các chùa thờ Tứ pháp hiện nay chủ yếu là các ngôi chùa cổ, vẫn lưu giữ được nhiều di vật, đồ thờ tự quý giá như những bức tượng Tứ pháp, tượng Phật cổ, vừa mang vẻ đẹp kiến trúc vừa chứa đựng trong đó những giá trị tâm linh sâu sắc. Không chỉ vậy, sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo tại các ngôi chùa thờ Tứ pháp này cũng chứa đựng những giá trị văn hóa phi vật thể độc đáo. Đó là những sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng liên vùng, liên làng, liên cộng đồng. Bởi thờ Tứ pháp trong các chùa nhưng ít có ngôi chùa thờ cả 4 vị mà mỗi chùa thờ một vị trong hệ thống Tứ pháp, do đó các vùng thờ Tứ pháp đều lập thành quần thể những ngôi chùa liên quan mật thiết đến nhau nên sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo diễn hình như lễ hội là sự cộng hưởng của cả cộng đồng với sự tham gia của nhiều chùa và đông đảo nhân dân trong vùng đến từ nhiều làng.

Ở Hà Nội, các chùa Tứ Pháp chủ yếu được phân bố ở vùng ngoại thành Hà Nội, như Chùa Sét (Hoàng Mai, Hà Nội) thờ Phật



Tượng bà Đại Thánh Pháp Vân Phật chùa Đặng Xá, tỉnh Ninh Bình.

và thờ Tứ Pháp, tượng Bà Pháp Vân được đặt trong khám thờ ở hậu cung, trước tượng Bà Pháp Vân là tượng Bồ Tát Quan Âm; Chùa Đậu Thượng Phúc (Hà Nội), chùa Keo (Hà Nội)... Nổi bật là Chùa Đậu ở xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín cũ (nay là xã Thượng Phúc, thành phố Hà Nội), trong Chùa có hậu cung để khám thờ Pháp Vũ, pho tượng thờ mới được làm lại từ năm 1986 trở lại đây. Lễ hội Chùa Đậu xưa vốn là lễ hội cầu mưa của cộng đồng cư dân địa phương. Khi Phật giáo du nhập vào nước ta, đời sống của người Việt gắn liền với nền nông nghiệp lúa nước. Trong thời kỳ này, kỹ thuật canh tác còn hạn chế, con người chưa thể chủ động điều tiết nguồn nước, nên việc mong chờ mưa thuận gió hòa trở thành nhu cầu thiết yếu. Từ đó hình thành tín ngưỡng thờ các vị thần mây, mưa, sấm, chớp - những yếu tố gắn bó chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp. Hệ thống chùa thờ Tứ Pháp chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, phản ánh tâm thức, các lớp của bề dày đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ. Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, đến nay, những ngôi chùa thờ Tứ pháp vẫn là một nét độc đáo bởi những dấu ấn văn hóa và giá trị riêng, từ những tư liệu ngữ văn dân gian như truyền thuyết, truyện kể, thơ ca dân gian... cho đến hệ thống di tích thờ tự và các nghi thức, nghi lễ. Vấn đề đặt ra là những giá trị văn trường tồn, nhưng hiện nay hệ thống chùa thờ Tứ pháp đang đứng trước sự xuống cấp và các

giá trị vật thể của di tích, sự biến đổi trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo do sự tác động của đời sống xã hội, những thách thức trong công tác bảo tồn đi liền với khai thác du lịch tại di sản...

Sự hiện diện của các ngôi chùa thờ Tứ pháp hiện nay chính là minh chứng cho đời sống văn hóa tinh thần đa dạng, giàu bản sắc của người Việt. Nghiên cứu các ngôi chùa Tứ pháp góp phần phát huy giá trị tín ngưỡng, tôn giáo trong bối cảnh mới của đất nước. Bởi, tín ngưỡng, tôn giáo là thành tố của văn hóa, như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm (khóa VIII) khẳng định: Văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội. Tôn giáo với tư cách là một thành tố của văn hóa, tôn giáo tất yếu có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của kinh tế. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta xác định công tác tôn giáo cần "... Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước..."⁽¹¹⁾.

Đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, để khẳng định được vị thế của quốc gia, dân tộc trong xu thế đó: "cũng như bất cứ dân tộc nào, chúng ta phải trở về với những giá trị của văn hóa dân tộc - những cái tạo nên sức mạnh cội nguồn của chúng ta, những cái tạo nên diện mạo tinh thần của chúng ta. Trở về với văn hóa dân tộc không chỉ là trở về với những giá trị được biểu hiện rõ rệt trong đạo đức, trong lối sống, trong các hoạt động nghệ thuật mà còn cần chú ý đến phần tiềm ẩn, đó là các phong tục tập quán, những cách cảm nhận riêng về thế giới, về không gian và thời gian... Những cái đó liên kết, tương tác với nhau, tạo thành một hệ thống "mạng lưới tinh thần" trong tâm thức con người Việt Nam. Cố nhiên, trở về với các giá trị truyền thống của dân tộc không phải là phục cổ, đóng kín. Trái lại, đó là quá trình tự nhận thức ra mình, tự khám phá mình khi đứng ở tầm cao của lịch sử. Với ý nghĩa đó, việc phát huy và giữ gìn

bản sắc văn hóa dân tộc đòi hỏi một sự sáng tạo, một sự phát triển không ngừng. Điều đó có nghĩa là sự phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phải gắn với việc xây dựng một nền văn hóa tiên tiến"⁽¹²⁾./.

Ghi chú:

(1) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Công ty sách Thời đại và Nxb Văn học, H.2014, tr.46.

(2) Nguyễn Thanh Tuấn, *Phật giáo với văn hóa Việt Nam và Nhật Bản qua một cách tham chiếu*, Nxb Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa, H.2009, tr.21.

(3) Nguyễn Công Lý, Nguyễn Thị Thanh Mai, *"Tinh thần tùy duyên, tùy tục, nhập thế, hộ quốc an dân - Nét đẹp của đạo Phật Việt Nam từ quá khứ đến hiện tại"*, Lãnh đạo chánh niệm và hòa bình, Nxb Tôn giáo, H.2019, tr.375 - 408.

(4) Nguyễn Đức Lữ, *Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, H.2008, tr.79.

(5) Đinh Thị Hà Giang, *"Hỗn dung tôn giáo qua hiện tượng thờ Phật tại gia ở Việt Nam hiện nay"*, Di sản văn hóa (34), 2011, tr.54-56.

(6) Lê Mạnh Thát (tái bản có bổ sung), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Nxb Đồng Nai, 2024, tr.160.

(7) Vũ Văn Chung, *"Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu ở Nam Bộ"*, Nghiên cứu Tôn giáo (178), 2018, tr. 66-79, tr.72.

(8), (9) Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập I, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr.142, tr.156-157.

(10) Hà Văn Tấn, *Chùa Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, H.1993.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, tr.171.

(12) Trần Văn Bính, *"Bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa"*, *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*, Nxb CTQG-ST, H.2002.